

Từ kế hoạch đến thị trường: thành tựu đạt được và những vấn đề còn tranh cãi

PHẠM ĐỨC CHÍNH

Nhiệm vụ quan trọng nhất của mỗi một nhà nước trong quá trình thực hiện cải cách nền kinh tế là lựa chọn chiến lược tối ưu để vận dụng. Cơ sở lý luận để xây dựng chương trình cải cách ở từng quốc gia cần phải được xuất phát từ những đặc biệt lịch sử phát triển đất nước, và đồng thời cả những đặc thù tình hình kinh tế, chính trị và xã hội của mình. Những vấn đề của nền kinh tế chuyển đổi như: lạm phát, sút giảm sản xuất, giảm mức sống của dân cư, gia tăng khu vực kinh tế ngầm và nhiều vấn đề khác nữa đều có gốc rễ, căn nguyên từ hệ thống kinh tế trước đó. Có thể khẳng định rằng, nói chung những khó khăn của thời kỳ chuyển đổi sang thị trường đều có liên quan đến những hậu quả từ hệ thống kinh tế quan liêu, mệnh lệnh. Nền kinh tế thị trường xuất hiện từ quá trình chuyển đổi không phải trong một không gian thuần túy, vô trùng mà là trong tàn tích và đống đổ nát của kinh tế xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và các quốc gia thuộc Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết trước đây và cả trên nền tảng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc và Việt Nam.

Tháng 12 năm 2006 là mốc lịch sử đánh dấu sự nghiệp “đổi mới” của Việt Nam tròn 20 năm và công cuộc cải cách này cần phải được tiến hành triệt để, sâu rộng hơn nữa. Vì vậy, đánh giá lại những kết quả đạt được của các nước cũng có nền kinh tế chuyển đổi từ kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang thị trường để rút ra những bài học thực tế quý báu, cũng như vận dụng chiến lược cải cách tiếp theo cho phù hợp hơn với hoàn cảnh thực tế của Việt Nam là việc làm rất hữu ích và cần thiết. Trong bài viết này, chúng tôi muốn giới thiệu phương diện lý thuyết chung của nền kinh tế chuyển đổi, đồng thời

cả chiến lược vận dụng cải cách kinh tế trong thời kỳ chuyển đổi sang thị trường và kết quả đạt được của những cải cách đó.

I. CƠ SỞ PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA CHUYỂN ĐỔI NỀN KINH TẾ

Trước hết, chúng ta bắt đầu từ cội rễ của vấn đề là tìm hiểu một cách đầy đủ bản chất của hệ thống kinh tế đã ngự trị nhiều thập kỷ qua ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, đang cần phải cải cách tận gốc - hệ thống kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.

1. Bản chất của hệ thống kinh tế kế hoạch hóa tập trung

Thế nào là “nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung”, tại sao nó được xuất hiện, những mặt mạnh, mâu thuẫn và yếu điểm của nó như thế nào? Tạo sao trong một thời gian dài chạy đua với kinh tế thị trường nó lại phải chấp nhận thất bại? Những tiền đề nào xuất hiện khi chuyển đổi sang thị trường được tạo lập ở các nước đang tiến hành cải cách nền kinh tế? Những cản trở nào gặp phải khi chuyển đổi sang thị trường ở các nước có nền kinh tế hoạch hóa tập trung? Những vấn đề đặt ra trên đây sẽ được nghiên cứu trong bài viết này.

Có rất nhiều cụm từ để giải nghĩa hệ thống kinh tế xã hội đã ngự trị ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây như: “Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung”, “Nền kinh tế chỉ huy, mệnh lệnh”, “Hệ thống kinh tế quản lý tập trung”, “Hệ thống kinh tế hành chính, bao cấp” v.v... Để thống nhất khi sử dụng, các cụm từ trong bài viết này, chúng tôi sẽ thường xuyên dùng thuật ngữ “Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung”.

Phạm Đức Chính, TSKH, ĐHQG TP Hồ Chí Minh.

Kinh tế kế hoạch hóa tập trung là một nền kinh tế trong đó các quá trình kinh tế chủ yếu được quyết định ở một mức độ lớn không phải do các tác nhân thị trường, mà do một cơ quan kế hoạch hóa kinh tế, cơ quan này thực hiện các mục tiêu kinh tế chủ yếu của xã hội. Trong một hệ thống như vậy, phần lớn hoạt động sản xuất được quyết định bởi các mục tiêu đầu vào và đầu ra bắt buộc phát ra bởi tín hiệu theo chiều dọc từ một tổ chức kinh tế nhiều cấp. Các ưu điểm của một hệ thống như vậy so với "Nền kinh tế thị trường thuần túy" là giảm bớt được các hoạt động kinh tế tự phát - có thể dẫn tới việc sử dụng không có hiệu quả các nguồn lực và sản xuất các hàng hóa không mong muốn. Một nền kinh tế kế hoạch hóa có thể có khả năng giải quyết các vấn đề về thất nghiệp và không sử dụng hết công suất, giảm bớt ô nhiễm môi trường và sự biến dị quá mức của các sản phẩm. Một nền kinh tế kế hoạch hóa kém phát triển có thể tăng trưởng nhanh hơn là trường hợp nếu như nó không đủ khả năng để tập trung nguồn lực vào một số ngành then chốt nhất định và tự cô lập khỏi các tác nhân của thị trường thế giới.

Mặt khác, một hệ thống kế hoạch hóa tập trung có thể dẫn đến sự lãng phí về sử dụng nguồn lực phát sinh do sự cần thiết phải phối hợp một số lớn các thành phần trong các kế hoạch hoạt động và những người làm ra các quyết định độc lập ở từng mức của quá trình kinh tế. Sự cứng nhắc và sức ỳ trong hệ thống này có thể trầm trọng thêm bởi vì phải cần đến một bộ máy tổ chức lớn và các yếu tố đi theo là "chế độ quan liêu". Những biểu hiện của các xu hướng này có thể là tồn tại của sự thiếu hụt dai dẳng của một số loại hàng hóa kết hợp với sự thừa của một số hàng hóa khác. Thậm chí dù có một sự phối hợp thích đáng và hữu hiệu thì kế hoạch hóa cũng có thể vẫn cứ không thể nhảy cảm với nguyện vọng của người tiêu dùng trên thị trường.¹

Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung được hiểu là một nền kinh tế quốc dân, nơi mà

vấn đề sản xuất cái gì, như thế nào và để cho ai được quyết định không phải do từng doanh nghiệp, từng cá nhân, mà là bởi cơ quan quản lý tập trung của nhà nước. Thật khó khăn để hiểu được rằng, nhà nước có thể ra chỉ thị từ trên xuống cho việc sản xuất và phân phối mỗi một trong số hàng triệu những loại hàng hóa và dịch vụ cụ thể. Nhưng điều đó còn chưa hết ở hệ thống kinh tế như thế, trong một trật tự bắt buộc kế hoạch đầy đủ được thực hiện cho cả những chỉ số giá trị và hiện vật thiết yếu (ví dụ như: khối lượng sản xuất thép, điện, ngũ cốc, quỹ nhà ở, v.v...); giá cả, tiền lương trung bình, tổng vốn đầu tư và những chỉ số khác). Kế hoạch hóa này được tiến hành trên cơ sở thông tin đi từ dưới lên, từ doanh nghiệp và các nguồn khác, nhưng lại bị lệ thuộc vào những chỉ thị chung của chính phủ. Phù hợp với những nhiệm vụ quan trọng này, các cơ quan quản lý ngành và khu vực, các doanh nghiệp soạn thảo những kế hoạch chi tiết cho đơn vị mình.

Xuất phát từ kinh nghiệm lịch sử của thế kỷ XX, hệ thống kinh tế kế hoạch hóa tập trung được hình thành do nhiều nguyên nhân. *Thứ nhất*, bắt đầu từ sự đòi hỏi phải tập trung nhanh các nguồn lực để đảm bảo vấn đề hàng hóa công và những điều kiện khác cần cho cứu nguy dân tộc trong những tình thế khẩn thiết. Đó là những tình huống: chiến tranh, tai họa thiên nhiên và thảm họa kỹ thuật ở qui mô quốc gia và quốc tế. *Thứ hai*, đó là khả năng khủng hoảng kinh tế sâu sắc và kéo dài, mà hệ thống thị trường tự do không phòng ngừa được. *Thứ ba*, xuất hiện khi tự do thị trường không có điều tiết thì sẽ sinh ra phân hóa tài sản quá mức và phân phối thu nhập không công bằng. *Thứ tư*, nhờ có tập trung hóa mà các nước có nền kinh tế kém phát triển có thể hy vọng thúc đẩy nhanh sự phát triển của mình để đuổi kịp các nước công nghiệp phát triển. *Cuối cùng*, cũng không

1. David Pearce. Từ điển kinh tế học hiện đại. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1999, tr.790.

thể quên được rằng, nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung có thể được sử dụng như là một công cụ chinh phục đại đa số nhân dân bởi phần thiểu số áp đặt của xã hội.²

Trong điều kiện của hệ thống kinh tế kế hoạch hóa tập trung, toàn bộ quyền sở hữu đều thuộc về Nhà nước. Đó là hình thức sở hữu được gọi là "toàn dân". Sở hữu tư nhân không được tồn tại. Nền kinh tế được quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương, kể cả những vấn đề chi tiết của từng doanh nghiệp đã được đề cập ở phần trên như: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai. Kế hoạch hóa mệnh lệnh là cơ sở của hệ thống kinh tế, phân bổ kế hoạch đi cùng với việc phân chia tùy tiện các nguồn lực cho các đơn vị sản xuất và phân chia cả quỹ lương cũng được phân định từ chính quyền trung ương. Chính quyền trung ương xác định không chỉ khối lượng các nguồn lực được phân chia và tổng quỹ lương, mà còn cả danh mục các loại hàng hóa cần phải sản xuất.

Trong hệ thống này, toàn bộ nền kinh tế của đất nước được lãnh đạo tập trung, có nghĩa rằng - chính quyền trung ương là người sở hữu độc quyền tuyệt đối bất kỳ loại sản phẩm nào được sản xuất ra từ trong các xí nghiệp. Thực tế hoạt động của nền kinh tế không có cạnh tranh đã đưa đến chỉ một kết quả - nhà sản xuất có thể cung cấp hàng hóa mà không cần quan tâm đến chất lượng sản phẩm do mình làm ra. Hay nói một cách khác, nền kinh tế hoạt động theo cơ chế quan liêu, mệnh lệnh chỉ được định hướng đến quyền lợi của nhà sản xuất, mà không quan tâm đến lợi ích của người tiêu dùng.

Nhà sản xuất và người tiêu dùng các sản phẩm công nghiệp trong nền kinh tế đó liên kết với nhau thông qua những chỉ thị hành chính mang tính chất áp đặt. Người tiêu dùng không có quyền được tự do lựa chọn hàng hóa mình cần, họ phải nhận, chứ không được mua (mặc dù họ phải trả tiền cho hàng hóa đó) những gì nhà sản xuất cung cấp theo ý định của cấp trên. Nguyên

tắc cân đối cung cầu thị trường được thay thế bằng ý tưởng của các cấp lãnh đạo, mà khi quyết định thông qua mang nặng tính tư tưởng và quan điểm chính trị.

Rõ ràng rằng, trong nền kinh tế thị trường, những yếu tố thu nhập (tiền lương, lãi suất, lợi nhuận, lợi tức) thực hiện vai trò khuyến khích, là động lực cho việc thúc đẩy phân bổ các nguồn lực có hiệu quả hơn. Nhưng trong hệ thống kinh tế quản lý tập trung, tiền lương không phải là đòn bẩy phân chia lao động có hiệu quả vì sự áp đặt cứng nhắc bởi nhà nước, mà lại không phụ thuộc vào chất lượng và khối lượng sản phẩm làm ra. Kết quả dẫn đến là không có khuyến khích lao động đạt năng suất cao. Thêm vào đó, trong hệ thống kinh tế này, lãi suất tín dụng ngân hàng cũng không phải là công cụ để phân bổ đầu tư có hiệu quả. Trong điều kiện tín dụng ưu đãi, lãi suất áp dụng theo cơ chế phi thị trường, các xí nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả, phần thua lỗ của họ được ghi vào phần nợ thì không thể nào nói đến một nền kinh tế có hiệu quả được. Hơn nữa, các quá trình đầu tư được thực hiện bắt đầu từ định hướng tư tưởng và chính trị của chính quyền trung ương.

Các nguồn lực được cung cấp cho nhà sản xuất hoặc là hoàn toàn miễn phí (ví dụ như đất đai), hoặc là theo một biểu giá rất thấp, thành thử việc sử dụng không tránh khỏi lãng phí, tùy tiện. Trong điều kiện độc quyền nhà nước về nguồn lao động, đầu tư và đất đai, còn tiền lương, lãi suất và lợi tức không phải là giá cân bằng thị trường, nói chung sẽ không thể tồn tại các loại thị trường: lao động, vốn và đất đai.

Trong nền kinh tế tập trung bao cấp, về mặt nguyên tắc là không thể tồn tại các phạm trù, như chi phí hiệu quả, thành thử sẽ không có sự phân định ranh giới lợi nhuận kế toán và kinh tế. Còn giám đốc các

2. I.J.Olxevich. Về lý thuyết cải cách kinh tế. Bản tiếng Nga. Nxb Viện kinh tế. Matxcova, 1997, tr.241.

xí nghiệp công nghiệp, cửa hàng thương mại, lãnh đạo các ngân hàng không được phép sử dụng các nguồn tiền tệ nhân rỗi, bởi vì tất cả các đơn vị này đều thuộc sở hữu nhà nước.

Trong thực tế, một hệ thống kinh tế không có cạnh tranh thì cũng không có khái niệm doanh nghiệp thành đạt, công ty - phá sản. Kết quả là các doanh nghiệp hoạt động bị thua lỗ thì được trợ cấp, còn các doanh nghiệp có lãi thì lại phải chuyển lợi nhuận đó vào ngân sách, và không tồn tại một cơ chế khách quan xác định các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả. Thiếu vắng vai trò thúc đẩy lợi nhuận và nguy cơ phá sản vì thua lỗ đã làm cho các doanh nghiệp mất khả năng hoạt động có hiệu quả. Mục đích cơ bản của các đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh là thực hiện hoàn thành kế hoạch được giao.

Trong điều kiện của một hệ thống kinh tế mệnh lệnh, hạch toán kinh doanh chỉ mang tính hình thức. Các nhà sản xuất theo trình tự bắt buộc phải đóng góp tất cả các nguồn lực tài chính của mình vào ngân sách, sau đó họ lại được phân chia ngược lại từ ngân quỹ. Số tiền đóng góp vào ngân sách, và được phân bổ từ ngân sách cho các doanh nghiệp không liên quan với nhau, mà vai trò áp đặt của chính quyền trong nền kinh tế sẽ xác định sự phân chia này. Từ trung ương, việc thanh toán được xác định và đối chiếu không cần liên hệ rõ ràng với khả năng thanh toán của ngân sách, mà là tùy thuộc vào quan điểm chủ quan của các cơ quan chủ quản. Những nhu cầu kinh tế của các doanh nghiệp được hình thành và đáp ứng từ trung ương. Chuyển tiền cho các doanh nghiệp được tiến hành thông qua hệ thống ngân hàng là quyền hạn đặc biệt của nhà nước, và hệ thống này không ngừng theo dõi việc đảm bảo tài chính của chính quyền trung ương.

Vì những nguyên nhân đã được phân tích trên đây, trong ngắn hạn, hệ thống kinh tế kế hoạch hóa tập trung có khả năng

là công cụ thực sự để đạt được từng phần những mục đích đã đặt ra. Tuy nhiên, trong dài hạn thì một nền kinh tế như vậy sẽ xuất hiện những khiếm khuyết và yếu kém so với kinh tế thị trường.

Trước hết, nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung không đạt được hiệu quả đầy đủ, vì thế nó không có khả năng đảm bảo cho người dân một mức thu nhập chung cao như trong nền kinh tế thị trường. Thứ hai, nó có một sức ỳ, không phản ứng linh hoạt đến những thay đổi nhu cầu của các cá nhân và của toàn xã hội nói chung, vì vậy nhiều nhu cầu còn lại sẽ không được thỏa mãn. Khiếm khuyết thứ ba của kinh tế kế hoạch hóa phải kể đến là khả năng yếu kém của nó trong sử dụng các tiềm năng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Cuối cùng, và cũng là rất quan trọng, hệ thống kế hoạch hóa tập trung giới hạn khả năng sáng tạo, độc lập và tinh thần trách nhiệm của con người trong lĩnh vực kinh tế, đè bẹp óc sáng tạo và tự do của con người.³

Nhiều mô hình khác nhau của nền kinh tế kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa đã và đang tồn tại ở trong các nước thuộc Hội đồng tương trợ kinh tế trước đây như ở Trung Quốc, Liên Xô, Việt Nam v.v... Các nền kinh tế này xếp loại từ mô hình quan liêu tập trung cao độ của Cộng hòa Liên bang các nước xã hội chủ nghĩa Xô Viết tới một mô hình kế hoạch hóa giảm vai trò của người lập kế hoạch tới mức chỉ có xác định một số chỉ số then chốt nhất định trong nền kinh tế. Trong trường hợp thứ hai này, người lập kế hoạch có thể chỉ quan tâm đến tỷ lệ thu nhập quốc dân dành cho tiêu dùng và đầu tư, hoặc cho sự phân phối đầu tư giữa các ngành. Mô hình thứ nhất kể trên dựa vào một hệ thống kế hoạch hóa và quản lý bằng pháp lệnh về các đầu vào và các đầu ra vật chất được sản xuất theo kế hoạch quốc gia dựa trên nguyên lý cân bằng. Các mô hình phi tập trung hơn sử dụng

3. I.J.Olxevich. Sđd, tr.241.

cơ chế thị trường để phân bổ nguồn lực, mà trên một phạm vi rộng lớn dựa rất nhiều vào khu vực tư nhân. Mô hình này được gọi là “*Nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*” có sự kiểm soát của nhà nước về giá cả và đầu tư thông qua chính sách tiền tệ và tài chính.⁴

Liên bang các nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết là thành trì của mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung trong suốt một thời gian dài. Việt Nam cũng xây dựng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung theo hình mẫu Xô Viết nhưng ở mức độ thấp hơn, và trong qui mô có giới hạn hơn, vì trong một chừng mực nhất định, thành phần kinh tế tiểu chủ và hộ gia đình còn được phép tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, những vấn đề tồn tại của hệ thống kinh tế mệnh lệnh - hành chính hoàn toàn có thể khắc phục được trong khoảng một thời gian hợp lý, mà không bị những tổn thất đáng kể từ phía người dân với điều kiện cả xã hội và Nhà nước sẵn sàng áp dụng những chương trình mục đích có định hướng cụ thể được dựa trên cơ sở lợi ích của toàn dân, chứ không phải lợi ích riêng biệt của những nhóm xã hội và các tầng lớp chính trị có độc quyền chính quyền.⁵

Vấn đề chung của thời kỳ chuyển đổi hoàn toàn có thể giải quyết được mà không phụ thuộc vào trình độ phát triển, đặc thù dân tộc và chế độ chính trị của mỗi một đất nước cụ thể, mặc dù phương pháp vận dụng có thể khác nhau. Thực tế cải cách kinh tế của hàng loạt các nước trên thế giới, trong đó có Trung Quốc và Việt Nam, cho chúng ta thấy rằng, chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang quan hệ thị trường có thể đạt được mà không phải chịu tổn thất nhiều cho nền kinh tế. Hơn nữa, chuyển đổi như thế có thể được tiến hành trong điều kiện tăng trưởng sản xuất ở tốc độ cao, nâng cao được hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp và nâng cao thu nhập thực tế của

tất cả các tầng lớp dân cư.

2. Khái niệm về nền kinh tế chuyển đổi

Trong khoa học kinh tế ngày nay, cụm từ “*Nền kinh tế chuyển đổi*” được hiểu là những cải cách kinh tế, hướng tới việc chuyển đổi hệ thống kinh tế kế hoạch hóa tập trung, hành chính, mệnh lệnh sang quan hệ thị trường. Cải cách kinh tế - đó là những thay đổi lớn trong hệ thống kinh tế, trong quản lý kinh tế, trong các phương pháp vận dụng chính sách kinh tế. Cải cách kinh tế được diễn ra trong điều kiện, khi mà hiệu quả nền kinh tế thấp, có dấu hiệu khủng hoảng, nền kinh tế không thoả mãn đầy đủ những nhu cầu của người dân, đất nước đứng trước sự lạc hậu và khoảng cách xa dần trong quá trình phát triển so với các quốc gia khác. Cải cách kinh tế là quá trình chuyển đổi các thể chế kinh tế vĩ mô và vi mô để đưa nền kinh tế từ hệ thống này sang một hệ thống khác, đạt được những thay đổi về cấu trúc và thể chế, thay đổi những thói quen và hoạt động của các chủ thể đang tham gia vào hoạt động trong nền kinh tế phù hợp với hệ thống mới đang được hình thành.

Chuyển đổi nền kinh tế đó là chuyển từ một hệ thống liên kết kế hoạch của các mắt xích kinh tế sang một hệ thống khác, về mặt nguyên tắc là khác với hệ thống trước đó.⁶ Điểm đặc biệt của nền kinh tế chuyển đổi là không một cơ chế liên kết ấn định của các chủ thể kinh tế nào không phải là cơ bản: cơ chế kế hoạch hóa tập trung đã không còn hiệu lực, nhưng bộ máy kiến trúc thượng tầng thị trường vẫn còn chưa được soạn thảo đầy đủ. Tóm lại, nền kinh tế chuyển đổi không tránh khỏi sự ràng buộc với một cái van hệ thống nào đấy, mà là một trong những nguồn bất ổn trong hệ thống chuyển đổi.

4. David Pearce. Sdd, tr.791.

5. I.J.Olxevich. Sdd, tr.251.

6. E.A. Kixeleva, M.N.Chepurin. Cơ sở lý thuyết của nền kinh tế chuyển đổi. Nxb Kirov, 1996, tr.87.

Kinh tế chuyển đổi là một nền kinh tế hỗn hợp.⁷ Nhưng không chỉ có ý nghĩa là trong nền kinh tế đó tất cả các xí nghiệp nhỏ và lớn đều được hoạt động, cả các quá trình tự phát và có sự điều tiết của nhà nước, có nhiều dạng các loại hình sở hữu, mà những tác động tương hỗ như vậy sẽ được thể hiện đầy đủ trong nền kinh tế thị trường chín muồi. Nền kinh tế chuyển đổi là một nền kinh tế hỗn hợp trong một ý nghĩa đặc biệt là ở chỗ, trong đó nhiều các yếu tố cấu thành bắt buộc cùng tồn tại và thậm chí nguyên cả khối hệ thống kế hoạch hóa tập trung đã bị huỷ bỏ, và cả những yếu tố của hệ thống thị trường mới đang được dần hình thành. Tất cả những yếu tố khác nhau này, cả khối quan hệ kinh tế cùng hoạt động tương hỗ lẫn nhau trong một guồng máy kinh tế, đang được hình thành trong một hệ thống kinh tế chuyển đổi chứa đầy mâu thuẫn và bất ổn. Hệ thống chuyển đổi như thế có thể khác nhau theo từng nước, hơn nữa, trên đường chuyển đổi từ hệ thống kế hoạch hóa tập trung sang thị trường ở nước này hay nước khác có thể được thay thế một vài hệ thống chuyển đổi.

Chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang thị trường không thể diễn ra trong tức thì, thậm chí ở cả những nước, nơi mà các tiên đề cho quá trình chuyển đổi đã được hoàn toàn chín muồi, và những thách thức, trở ngại không phải là nặng nề lắm. Còn ở những nước mà các điều kiện đó đang thiếu vắng, chuyển đổi nền kinh tế đòi hỏi cần một thời gian tương đối dài, từ một vài năm đến hàng chục năm, thậm chí đến nguyên cả cuộc đời của một thế hệ.⁸ Vậy, tại sao lại phải cần đến chừng ấy thời gian cho quá trình chuyển đổi nền kinh tế?

• Để tạo lập những thể chế thị trường mới (các công ty, ngân hàng, sở giao dịch có khả năng cạnh tranh, các tổ chức nghiệp đoàn và hiệp hội các nhà doanh nghiệp, hệ thống pháp lý kinh doanh, các công sở nhà nước có khả năng điều tiết thị trường) và thử nghiệm hiệu quả của chúng để vận dụng vào điều kiện của nước mình;

• Để người dân có thể chuẩn bị cho mình những định hướng mới và thói quen, hành vi thích ứng đem lại cho họ khả năng khai thác tiềm năng tích cực của thị trường và khả năng tự bảo vệ mình khỏi những tác động tiêu cực của hệ thống thị trường;

• Xuất phát từ những tiêu chí của thị trường, để xây dựng lại và hiện đại hóa tất cả cơ sở vật chất kỹ thuật của nền sản xuất, khắc phục sản xuất độc quyền và phân tán nhỏ lẻ, những khoảng cách về công nghệ, mất cân đối cấu trúc kinh tế.

Chỉ sau khi các quá trình đó được hình thành thì cơ chế cạnh tranh thị trường mới có đầy đủ khả năng hoạt động hiệu quả và đảm bảo tăng trưởng sản xuất và thu nhập bền vững. Tuy nhiên, trong khoảng phần lớn thời gian của thời kỳ chuyển đổi, có nghĩa là một vài năm hoặc nhiều năm tình hình như thế mới đạt được, khi mà hệ thống kinh tế tập trung không còn hoạt động, còn hệ thống thị trường vẫn chưa được hình thành rõ rệt. Trong nền kinh tế vẫn còn tồn tại và hoạt động nhiều thể chế, các mối quan hệ, hành vi ứng xử từ hệ thống cũ, và đồng thời cùng tồn tại với chúng là những yếu tố của hệ thống thị trường mới xuất hiện, nhưng vẫn chưa được chín muồi. Từ đây xuất hiện vấn đề chung của thời kỳ chuyển đổi: cần phải làm gì để duy trì guồng máy kinh tế hoạt động bình thường, mức độ sản xuất và thu nhập đều đặn, khi mà hệ thống tập trung hóa ngừng hoạt động, còn thị trường lại chưa được hình thành đầy đủ.

Nội dung của nền kinh tế chuyển đổi gắn chặt với chiến lược hình thành hệ thống kinh tế xã hội hiệu quả trong tương lai. Thêm vào đó, quá trình chuyển đổi giải quyết

7. Nền kinh tế thị trường không tồn tại dưới dạng thuần túy, chúng tôi hàm ý muốn nói đến một hệ thống kinh tế-xã hội hỗn hợp có đặc trưng là trong đó cùng tồn tại các hình thức hoạt động như: khu vực kinh tế nhà nước, tập thể, tư nhân, nước ngoài, hợp tác giữa nhà nước và tư nhân.

8. I.J.Olxevich. Sđd, tr.264.

nhệm vụ cải cách nền kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường hiện đại. Thời điểm tiến hành quá trình chuyển đổi rất quan trọng, gắn chặt với giải quyết nhiệm vụ chiến lược, nhưng không đồng nhất với nó. Cuối cùng, giai đoạn đầu của thời kỳ chuyển đổi, như thực tế đã chứng minh, nảy sinh ra những nhiệm vụ đặc biệt xuất hiện từ thực trạng khủng hoảng của hệ thống kinh tế xã hội. Kết hợp những nhóm vấn đề kinh tế xã hội này sẽ tạo thành hình mẫu cụ thể của nền kinh tế chuyển đổi.

Nội dung của nền kinh tế chuyển đổi không chỉ là cải cách chính sách kinh tế và các phương pháp kinh doanh, mà còn là đổi mới hệ thống quan hệ kinh tế xã hội. Thay đổi thực tế tất cả các yếu tố cấu thành của nền kinh tế như: phương thức phân chia các nguồn lực và quan hệ sở hữu, mô hình sản xuất và các hình thức khuyến khích lao động, mục đích và phương tiện phát triển kinh tế, các thể chế và pháp lý.

Giải quyết đồng thời những nhiệm vụ đặt ra của nền kinh tế chuyển đổi để đạt được những thay đổi về mặt chất lượng không có nghĩa là tất cả những nhiệm vụ đó sẽ được giải quyết trong cùng một thời điểm. Trước hết, xã hội phải khắc phục được những khủng hoảng của quá trình cải cách, đạt được mức độ sản xuất trước khủng hoảng và đảm bảo tăng trưởng của nó trong tương lai. Trong khoảng thời gian dài đòi hỏi hình thành được nền kinh tế thị trường có hiệu quả, mà kết quả của nó phải là một cấu trúc kinh tế xã hội và sản xuất mới, hệ thống khuyến khích lao động mới, hiệu quả sản xuất phải đạt được tương đối cao như là một trong những cơ sở của tăng phúc lợi chung toàn xã hội. Janos Kornai - nhà kinh tế học nổi tiếng người Hungary cho rằng, trong khoảng một thời gian dài ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi tồn tại một hệ thống đúp, nơi mà các yếu tố mới không thể tránh khỏi đụng chạm trong các lĩnh vực kinh tế xã hội khác nhau khi hình thành nền kinh tế và chế độ xã hội được nhân dân ủng hộ.⁹ Tất cả những quan điểm này đều có cơ sở trong quá

trình cải cách kinh tế ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi, bao gồm cả Việt Nam, trong những năm vừa qua.¹⁰

3. Chiến lược cải cách trong thời kỳ chuyển đổi

Chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung xã hội chủ nghĩa sang quan hệ thị trường được tiến hành ở các nước Đông Âu và Cộng đồng các quốc gia độc lập từ cuối những năm 80 - đầu những năm 90 của thế kỷ XX, ở Trung Quốc từ năm 1978 và Việt Nam từ năm 1986, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử nhân loại. Rõ ràng rằng, nhiệm vụ chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây là cực kỳ khó khăn. Vấn đề mà họ phải đối mặt còn phức tạp hơn nhiều so với những vấn đề ở châu Mỹ Latinh, nơi mà trước thời kỳ cải cách đã có sẵn một số thể chế thị trường và số lượng các doanh nghiệp quốc doanh chỉ tính đến đơn vị hàng trăm, chứ không phải hàng ngàn.

Chúng ta thấy rõ ràng, đa số các nền kinh tế chuyển đổi tiến hành dịch chuyển từ một hệ thống kinh tế, nơi mà chính phủ phân bổ tập trung các nguồn lực, giải quyết các vấn đề sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai, sang hệ thống kinh tế, nơi phân bổ các loại hàng hóa và dịch vụ được tiến hành bởi các lực lượng thị trường dựa trên cơ sở quan hệ cung - cầu. Để tiến hành chuyển đổi thích ứng, rất cần thiết phải xây dựng một cấu trúc kinh tế phù hợp làm tiền đề thúc đẩy hệ thống thị trường hoạt động có hiệu quả. Xây dựng được cấu trúc như thế đòi hỏi, trước hết, phải hình thành các thể chế tài chính và hệ thống luật pháp khuyến khích cạnh tranh và bảo vệ quyền tự do kinh doanh hợp pháp. Không tồn tại một khuôn mẫu thống nhất về cải cách phù hợp với tất cả các nền kinh tế chuyển đổi, bởi vì

9. J.Kornai. Hệ thống xã hội chủ nghĩa: kinh tế chính trị cộng sản chủ nghĩa. Nxb Nghiên cứu kinh tế. Bản tiếng Nga. 2000, tr.42.

10. Lê Đăng Doanh. Cơ sở khoa học của cải cách kinh tế ở Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.31.

điều kiện của các nền kinh tế nói chung là rất khác nhau. Ngoài ra, còn có những quan điểm khác nhau về mô hình nền kinh tế thị trường mà nước này hay nước kia muốn xây dựng.

Những vấn đề cơ bản nào cần phải ưu tiên giải quyết trong thời kỳ chuyển đổi? Đó là - ổn định kinh tế vĩ mô, khuyến khích các hoạt động kinh doanh, cải tổ cấu trúc, tự do hóa giá cả nội địa và các mối quan hệ kinh tế đối ngoại, cải cách sở hữu nhà nước và những vấn đề xã hội bắt buộc (chính sách xã hội cần thiết, hướng vào bảo trợ những người có thu nhập thấp, người thất nghiệp và những người kém thích ứng với môi trường thể chế mới).

Như chúng ta đã biết, nền kinh tế thị trường bao gồm hệ thống các thị trường có mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau như thị trường: hàng hóa, lao động, vốn, bất động sản v.v... Vì vậy, hình thành các loại thị trường này là nhiệm vụ quan trọng nhất trong thời kỳ chuyển đổi. Khi chúng ta nói về phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ, tức là chúng ta đang nói về những hàng hóa và dịch vụ cả ý nghĩa sản xuất và cả ý nghĩa phi sản xuất. Đã tưởng là thị trường không tương thích với nền kinh tế chuyển đổi, nhưng mà nó đã tồn tại. Tuy nhiên, thị trường hàng hóa đích thực - đó là việc hình thành giá cả tự do, khi mà phần lớn các loại sản phẩm được sản xuất ở khu vực tư nhân. Thị trường tài chính - bao gồm các loại thị trường: tín dụng, hối đoái, chứng khoán (cổ phiếu, công trái v.v...). Về mặt nguyên tắc thị trường tài chính đó là đỉnh cao của cấu trúc thị trường, cơ chế điều tiết nó phức tạp nhất và nhạy cảm nhất. Thời kỳ chuyển đổi cần thiết phải tạo dựng và vận hành thị trường như thế, còn nếu thiếu cổ phiếu, công trái và những chứng khoán khác thì nền kinh tế thị trường không có ý nghĩa. Phát hành và lưu thông tự do các loại chứng khoán chứng tỏ rằng, người nắm giữ chúng là nhà sở hữu vốn và có quyền nhận thêm thu nhập phù hợp với phần vốn của mình, - đó cũng là điều kiện cần thiết đoạn tuyệt với

chủ nghĩa độc quyền sở hữu nhà nước. Nói một cách khác, những người nắm giữ chứng khoán (trong nền kinh tế thị trường phát triển họ có thể là hàng triệu người) có cơ hội không chỉ tăng thêm nguồn thu nhập bổ sung, mà còn trở thành những người sở hữu, điều đó làm giảm thực sự cả những căng thẳng xã hội trong xã hội.

Trong điều kiện chuyển đổi sang thị trường, đối với người dân thì kết thúc thời kỳ việc làm được đảm bảo, chấm dứt thời kỳ mà nhà lãnh đạo doanh nghiệp không thể sa thải những người lao động làm việc kém hiệu quả. Thị trường lao động - đó là hệ thống hợp đồng thuê mướn lao động, ấn định trách nhiệm của người sử dụng lao động và người làm thuê trong lĩnh vực việc làm. Nếu trên thị trường lao động không có sự tương thích giữa cung và cầu - đó thực sự là vấn đề nhức nhối, nan giải của nền kinh tế.

Bước đi đầu tiên của cải cách kinh tế là ổn định kinh tế vĩ mô. Đạt được điều này có nghĩa là hệ thống kinh tế đang hoạt động có hiệu quả, với mức độ lạm phát không đáng kể và trình độ sử dụng các nguồn lực thu hút vào nền kinh tế đạt tối đa. Trong các nền kinh tế chuyển đổi ổn định bao gồm việc giải quyết những nhiệm vụ cấp bách như: thiếu hụt ngân sách, khối lượng tiền dư thừa và lạm phát, thâm hụt ngoại thương, nợ nước ngoài, giới hạn dự trữ ngoại tệ. Trong kế hoạch lâu dài, những biện pháp ổn định phải tính đến chính sách tín dụng-tiền tệ có hiệu quả, để tạo điều kiện cho tiến hành kiểm soát được vĩ mô nền kinh tế một cách gián tiếp.

Để vận dụng chính sách ổn định kinh tế vĩ mô đòi hỏi phải có những cải cách thị trường, hướng đến việc tự do hóa giá cả và ngoại thương. Điều đó phải được tính đến tự do hóa giá cả hàng hóa và dịch vụ trong nước, tự do hóa lãi suất và tiền lương, cải tổ hệ thống phân phối, tự do hóa tỷ giá ngoại tệ, phân bổ hạn ngạch ngoại thương và thuế quan.

Những biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô và tự do hóa giá cả cần phải được vận dụng đồng thời, bởi vì chúng có mối ràng buộc chặt chẽ với nhau. Không có tự do hóa giá cả thì vẫn phải trợ cấp cho sản xuất từ ngân sách, mà điều này sẽ phá vỡ nền tảng của ổn định chung. Trong khi đó chỉ có ổn định mới có thể giúp cho các doanh nghiệp thích ứng với tình hình mới và hoạt động độc lập không cần đến sự viện trợ từ ngân sách.

Bước tiếp theo của chuyển đổi là cải cách cấu trúc sản xuất, thương mại hóa các doanh nghiệp quốc doanh, phân chia độc quyền, tiến hành cổ phần hóa. Đồng thời với cải tổ khu vực doanh nghiệp nhà nước là cải cách thể chế. Chúng đặt ra việc hình thành các thể chế pháp lý và điều tiết để thực hiện bảo vệ quyền sở hữu tư nhân, bảo trợ xã hội và đảm bảo quyền lợi của các công dân.

Sự ổn định chính trị và ủng hộ của các tầng lớp dân cư trong xã hội đóng vai trò cực kỳ to lớn thúc đẩy tốc độ vận dụng và kết quả đạt được của cải cách kinh tế trong thời kỳ chuyển đổi. Chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở các nước Đông Âu và Cộng đồng các quốc gia độc lập trong những năm đầu cải cách cho chúng ta thấy rằng, họ vấp phải những khó khăn nhiều hơn cả là phá vỡ hệ thống độc tài, đặc biệt là không có sự nhất trí chung của các lực lượng chính trị và toàn xã hội trong quá trình chuyển đổi, tức là xây dựng các cơ chế hoạt động của thị trường.

Những gì mà Trung Quốc và Việt Nam đạt được trong những năm đầu của tiến trình cải cách thì ngược lại so với các nước Đông Âu và rất đáng khích lệ. Một trong những nguyên nhân quan trọng nhất của thành tựu đổi mới ở Trung Quốc và Việt Nam là cải cách được tiến hành dựa trên sự ủng hộ rộng rãi của tất cả các lực lượng trong xã hội, họ đã nhìn thấy quyền lợi của mình và của cả dân tộc trong công cuộc đổi mới, đòi hỏi quá trình cải cách phải được tiếp tục và tiến hành sâu rộng, triệt để hơn nữa. Việt Nam là một trong những nước

nghèo nhất trên thế giới và trải qua nhiều cuộc chiến tranh liên miên trong quá khứ, nhưng ngày nay đã trở thành một quốc gia phát triển năng động, một Nhà nước ổn định cả về chính trị và kinh tế.¹¹

Các chính sách ổn định kinh tế và tự do hóa muốn đạt được kết quả thì rất cấp thiết phải hình thành hệ thống bảo trợ xã hội để duy trì mức sống, tình trạng tâm lý và thể lực của những người bị tổn thương từ quá trình cải cách. Hệ thống này cần phải bảo trợ các tầng lớp dân cư có thu nhập thấp khỏi tác động của quá trình tăng giá. Những ai bị mất việc làm thì cần được đảm bảo bởi hệ thống bảo hiểm thất nghiệp thông qua trợ cấp xã hội. Hệ thống bảo trợ xã hội bao gồm bảo hiểm hưu trí khi tuổi già, bảo hiểm bệnh tật, tai nạn nghề nghiệp, cơ hội đào tạo lại cho những người bị mất việc làm do cải cách cấu trúc nền kinh tế. Trong thời kỳ đầu cải cách, chính phủ cần tập trung mọi cố gắng, sức lực hướng tới chính sách hình thành thị trường lao động. Ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, vấn đề thất nghiệp hoàn toàn không được quan tâm (nếu có chú ý cũng chỉ được gọi là thất nghiệp tiềm ẩn), hệ thống đào tạo lại và nâng cao nghiệp vụ cho người lao động kém phát triển, các trung tâm dịch vụ việc làm hoàn toàn không có. Khi hình thành hệ thống bảo trợ xã hội sẽ xuất hiện một tập hợp các vấn đề. Trước hết là vấn đề gắn kết với khả năng trợ giúp khuyến khích lao động, cân đối chúng với các biện pháp trợ cấp xã hội cho nhân dân. Trong điều kiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, hệ thống khuyến khích và kích thích lao động phải được đưa lên vị trí hàng đầu.

Vậy thì mức độ trợ cấp xã hội bình thường trong các nền kinh tế chuyển đổi có nghĩa gì? Hệ thống trợ cấp xã hội phải như thế nào? Phần thu nhập nào sẽ trợ cấp cho

11. E.V.Kobeleev. Nhà nước và hiện đại hóa ở các nước Đông Nam Á. Nxb Viễn Đông, Matxcova, 1997, tr.133.

người nghèo và người thất nghiệp, nếu như giá cả tăng lên gấp đôi, gấp ba? Kinh nghiệm thực tế đã chỉ ra rằng, nếu trợ cấp xã hội mà cao thì sẽ không khuyến khích người thất nghiệp tìm kiếm việc làm. Tồn tại mối liên hệ trực tiếp giữa qui mô trợ cấp thất nghiệp và thời gian kéo dài thất nghiệp. Nói chung, phần thắng sẽ thuộc về xã hội nếu như đa số người lao động được thu hút vào quá trình tạo ra của cải vật chất, tài sản cho xã hội. Cho nên, một chính sách hợp lý là chính sách phải biết kết hợp trợ cấp thất nghiệp vừa đủ để cho họ trang trải các chi phí thoả mãn những nhu cầu thiết yếu trong đời sống hàng ngày, và các phương tiện cho đào tạo lại người lao động những gì mà họ có thể nắm bắt được nghề nghiệp mới. Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, chương trình việc làm của Thụy Điển có những đặc điểm này, thể hiện đầy đủ uy tín, công bằng và hiệu quả.

Hoặc là, vấn đề liên quan đến cải cách giá cả và những tài sản tích góp của người dân. Tức là, ở đây xuất hiện một trong những vấn đề mang tính đạo lý và nhạy cảm nhất. Khối lượng tiền tệ dư thừa trong lưu thông cần phải trừ bỏ, hoặc chỉ ít ra cũng là giảm bớt, bởi vì nó hàm chứa nguy cơ lạm phát. Để khắc phục phần lưu thông tiền tệ dư thừa, cần phải tiến hành trưng thu những khoản tài chính dôi dư hoặc là làm giảm đi giá trị thực của nó bằng con đường tăng giá. Phần lớn các quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi chọn giải pháp sau, tức là giảm giá trị thực của những khoản tài chính dôi dư bằng con đường tăng giá, trong mức độ giới hạn nào đó, biện pháp này phải được thực hiện, bởi vì cải cách giá cần để thực hiện những cải cách khác có hiệu quả. Hơn nữa, xuất hiện vấn đề, khi chính phủ tiến hành cải cách giá cả thì bước nhảy giá cả đến chừng mực nào là hợp lý. Ví dụ, ở Liên bang Nga, một khối lượng lớn người lao động thực tế đã bị mất đi phần tiết kiệm gửi ở ngân hàng đã được tích lũy trong vòng nhiều năm làm việc của mình. Từ đó dễ dàng hiểu rằng, tại sao người dân có thể chống đối lại việc đưa vào

vận dụng hệ thống kinh tế mới xem có vẻ bất công như vậy. Vậy thì Chính phủ có cần phải soạn thảo những biện pháp trợ cấp cho những mất mát này hay không?

Chính sách tiền lương trong giai đoạn cải cách trước đây có tính đến kết quả đạt được của nhiều mục đích mâu thuẫn với nhau. Nó, một mặt, cần phải đảm bảo tăng phân hóa tiền lương để thúc đẩy tăng cường độ và năng suất lao động. Thêm vào đó, tiền lương tối thiểu phải đạt mức vượt qua ngưỡng đói nghèo, nhưng mặt khác không kéo theo tăng quá mức tiền lương thực tế, bởi vì có như thế thì tốc độ tăng lương mới nằm trong sự phụ thuộc tăng năng suất lao động. Còn mối liên hệ giữa tăng lương và tăng năng suất lao động không được tạo tiền đề cho tăng quá mức tỷ lệ thất nghiệp.

Điều tiết tiền lương trong các doanh nghiệp nhà nước là vấn đề đặc biệt phải quan tâm trong thời kỳ chuyển đổi sang thị trường. Khi đó thị trường còn chưa được hình thành rõ nét, tín hiệu giá cả có thể nhầm lẫn, không thể hiện đầy đủ quan hệ cung-cầu và định hướng sai lệch, cho nên tiền lương trong các doanh nghiệp nhà nước không thể được xác định bởi thị trường. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào thì tiền lương cũng phải phản ứng với lạm phát. Có thể trong khoảng nhiều năm cần phải duy trì nguyên tắc chỉ số hóa tiền lương trong khu vực nhà nước cho đến khi tiến hành cải cách cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, liên kết chúng vào cấu trúc thị trường, điều tiết sẽ giảm đi và chuyển chức năng phân bổ tiền lương cho thị trường.

Chính sách thu nhập có thể được trang trải một phần nhờ thuế cao đối với những doanh nghiệp có mức độ tăng lương cao hơn giới hạn xác định hoặc là những doanh nghiệp là nhà độc quyền. Nhưng có thể sẽ dẫn đến việc đánh thuế này trở thành cái lò xo của lương và giá cả. Khi đó đòi hỏi không chỉ đánh thuế đến vấn đề tăng lương, mà còn cả qui định giới hạn tối đa của việc tăng này.

Có hai phương pháp tiếp cận đối nghịch nhau về chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang thị trường - đó là "liệu pháp sốc" và "chiến lược cải cách từng bước", hay còn gọi là chiến lược tuần tự.¹²

• **Phương pháp tiếp cận thứ nhất** - đó là đồng thời cùng một lúc (nghĩa là trong khoảng thời gian một vài tháng) huỷ bỏ tất cả các loại hình kiểm soát hành chính tập trung nền kinh tế bằng việc xác lập tự điều tiết tự phát các quá trình kinh tế của thị trường và bổ sung thêm phần điều tiết của chính phủ chỉ là khối lượng tiền tệ lưu thông. Mô hình tự do hóa tức thì toàn bộ nền kinh tế này trong thực tế thế giới có tên gọi là liệu pháp sốc.

Phương pháp tiếp cận này dự tính sẽ xoá bỏ hệ thống kinh tế quan liêu, mệnh lệnh bằng cuộc cách mạng một lần thông qua con đường tư hữu hóa toàn bộ sở hữu nhà nước, được cho là mục đích chính của quá trình cải cách; tách nhà nước ra khỏi nền kinh tế, hoặc chí ít cũng là tối thiểu hóa vai trò của nó trong nền kinh tế, giới hạn vai trò này chỉ là việc điều tiết lưu thông tiền tệ; đề cao tất cả sức mạnh vào "bàn tay vô hình của thị trường" và chuyển vai trò của nhà nước sang chức năng người gác đêm. Tất cả lập luận đó được lý giải là đưa đất nước đến con đường phát triển tự nhiên, mà theo con đường đó các nước phát triển phương Tây đã đi qua.

Học thuyết liệu pháp sốc được dựa vào lôgic của thị trường tự do và có nguồn gốc tân cổ điển.¹³ Trong khuôn khổ của học thuyết này, nền kinh tế được xem xét dưới góc độ hoạt động và tác động tương hỗ của các mắt xích kinh tế. Được giả định rằng, hoạt động kinh tế được tiến hành trong một môi trường xác định (trước hết là môi trường pháp lý), đem đến cho nó những điều kiện và trong môi trường đó hoạt động này sẽ tìm thấy đối tượng của mình (có nghĩa là, các nguồn lực được đưa vào hoạt động, và kết quả của chúng). Thêm vào đó các thông số hoạt động và tác động tương hỗ của các mắt

xích rất nhạy cảm tới chất lượng môi trường: khi có môi trường "hoàn thiện" nền kinh tế sẽ đạt hiệu quả tối đa, và ngược lại, môi trường "không hoàn thiện" sẽ kéo theo kết quả không hiệu quả (khối lượng tài sản giảm, cấu trúc sản xuất bị biến dạng, lạc hậu về công nghệ v.v...). Môi trường hoàn thiện liên tưởng đến điều kiện cân bằng trong nền kinh tế thị trường tự do. Theo lý thuyết này, phương pháp tiếp cận từ quan điểm liệu pháp sốc sẽ đưa đến quá trình chuyển đổi hoàn toàn tự nhiên, hoặc là điều đó không có gì khác như là một chương trình hướng đến việc khẳng định nhanh chóng môi trường hoạt động kinh doanh hoàn thiện.

Phương pháp tiếp cận này dự tính việc thực hiện đồng bộ các cải cách, hướng tới việc thay thế khẩn cấp kế hoạch hóa tập trung bằng những yếu tố cơ bản của kinh tế thị trường. Mục đích của phương pháp tiếp cận này là giảm tối đa thời gian kéo dài của thời kỳ bệnh hoạn không thể tránh khỏi, và càng nhanh càng tốt thực hiện phân hóa nền kinh tế, đạt được khối lượng kịch tính những cải cách thị trường để không cho phép đình trệ và khả năng quay trở lại hệ thống kinh tế trước đây.

Nhiệm vụ cơ bản của cải cách theo liệu pháp sốc - là nhanh chóng tạo điều kiện cho hoạt động của các mắt xích kinh tế tư nhân, theo đó là những quyền lợi cá nhân sẽ đảm bảo cho hiệu quả kinh tế cao. Những điều kiện như thế thường thường liên tưởng đến mô hình lý tưởng của nền kinh tế thị trường.

Chương trình liệu pháp sốc tập trung chú ý, một mặt đến ổn định tài chính và thay đổi quyền sở hữu (tư hữu hóa), có nghĩa là những biện pháp có mục đích hình thành khuôn khổ thể chế và kinh tế vĩ mô các hành vi kinh tế hợp lý (trước hết là pháp lý), còn mặt khác mở rộng triệt để quyền hạn

12. L.I.Abalkin. Đường lối nền kinh tế chuyển đổi. Nxb Fincstatinform, Matxcova, 1997, tr.62.

13. Sđđ, tr.68.

của các mắt xích kinh tế bằng con đường tự do hóa tất cả các mối quan hệ tương hỗ về kinh tế. Lý thuyết liệu pháp sốc quan tâm đến những biện pháp hình thành môi trường thị trường có thể tiến hành được nhanh chóng như: tự do hóa giá cả, thương mại hóa các hoạt động thương mại, tháo gỡ những rào cản đến hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ, huỷ bỏ việc kiểm soát lưu thông ngoại tệ. Giả định rằng, có thể vận dụng nhanh chóng việc ổn định nền kinh tế bằng những biện pháp đơn giản nhất. Cơ sở nền tảng là ý tưởng sử dụng một vài công cụ ổn định hữu hiệu. Nó cho phép đưa vào hoạt động những cơ chế kinh tế đang áp dụng, vẫn còn chưa đầy đủ hy vọng và những cơ chế kinh tế hiệu quả, là tính chất cho nền kinh tế thị trường phát triển. Do vậy, chương trình liệu pháp sốc bao gồm hàng loạt những biện pháp mang tính cấp bách, mục đích của nó là xây dựng một thị trường tự do và đạt được ổn định kinh tế vĩ mô. Thực hiện đồng thời những biện pháp đó được xem như là một kết quả lý tưởng sẽ đạt được. Những biện pháp chủ yếu là:

- Tự do hóa giá cả để xác lập hệ số hợp lý của chúng tạo cân đối cung và cầu, thúc đẩy phân bổ lại các nguồn lực vào những ngành kinh tế có hiệu quả hơn;

- Kiểm chế tăng lương và thu nhập (hoặc là làm chậm đi), để ngăn ngừa sự bùng ra lạm phát "lương - giá" và giảm chi phí sản xuất;

- Giảm mạnh mẽ chi tiêu ngân sách, giảm trợ cấp và phụ cấp từ ngân sách để các chương trình đầu tư được tập trung;

- Hạn chế tập hợp cầu để giảm bù đắp thiếu hụt ngân sách và tăng thuế;

- Kiểm soát nghiêm ngặt điều kiện cung cấp tín dụng, kiểm soát khối lượng tiền tệ đang đưa vào lưu thông;

- Đảm bảo mức độ mở cao nền kinh tế quốc gia ra thị trường thế giới bằng việc giảm đến tối thiểu những giới hạn hành chính các hoạt động ngoại thương và xác

lập tỷ giá ngoại tệ thả nổi để chuyển đổi chúng và kết quả là ổn định được tỷ giá hối đoái.

• *Phương pháp tiếp cận thứ hai* - được gọi là chiến lược tuân tự. Nó tính đến việc chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang thị trường thông qua các biện pháp như: thương mại hóa các xí nghiệp nhà nước, tư hữu hóa chúng không phải là mục đích, mà là công cụ thu hút đầu tư và tăng hiệu quả hoạt động, tạo lập cơ sở hạ tầng thị trường và những kích thích phát triển sản xuất cạnh tranh thị trường hoạt động mạnh. Thêm vào đó chiến lược tuân tự tính đến việc duy trì trong tay nhà nước những phương tiện tác động trực tiếp và gián tiếp đến những lĩnh vực quan trọng của đời sống kinh tế và các quá trình xã hội, tích lũy và tiêu dùng, tiến hành thay đổi công nghệ - cấu trúc. Chiến lược tuân tự được dựa vào quán tính của hệ thống sản xuất xã hội.¹⁴ Đó là tự do hóa từ từ bắt đầu trong những ngành đã được chọn, trong những lĩnh vực hoạt động kinh tế, những khu vực của đất nước, với việc duy trì quản lý tập trung trong những ngành, lĩnh vực, khu vực khác, có mở rộng tiếp theo lĩnh vực thị trường tự do trong vòng một số năm và thậm chí đến 5 năm.

- Cội nguồn của giả thuyết cải cách kinh tế theo chiến lược tuân tự là tư tưởng của trường phái kinh tế chính trị cổ điển và Keynesian.¹⁵ Trong trường hợp này, nền kinh tế được hiểu như là một vòng quay tài sản (các nguồn lực, thu nhập, sản phẩm), và trước hết nó như một quá trình sản xuất và phân phối giữa các tầng lớp trong xã hội và các phương thức vận dụng khác nhau. Được dự tính rằng, vòng quay này diễn ra trong những khuôn khổ thể chế xác định và được định hướng bởi các mắt xích kinh tế với tính chất hành vi xác định (chính là việc hướng tới tăng tài sản của mình). Tuy nhiên, những

14,15. L.I.Abalkin. Sđd, tr.64.

khuôn khổ thể chế này và các hành vi khuôn mẫu được chấp nhận bởi những nhiệm vụ đặt ra như các thông số độc lập bên ngoài.

Những người ủng hộ chiến lược cải cách từng bước chuyển đổi sang thị trường cho rằng, liệu pháp sốc - đó là những biện pháp quá đắt, trước hết là theo quan điểm xã hội, bởi vì nó có thể kéo theo những hậu quả không lường trước được, bao gồm cả việc phục hồi hệ thống kinh tế cũ.¹⁶

Vì vậy, những nhân tố cơ bản, là đặc tính của thời kỳ chuyển đổi nền kinh tế theo giải pháp tuân tự từng bước sang quan hệ thị trường, được phân định như sau:

- Tập trung hướng đến xây dựng một nền kinh tế hỗn hợp, nơi khu vực tư nhân và tham gia quyết định kinh tế của các cá nhân cùng tồn tại với khu vực nhà nước (tức là xã hội chủ nghĩa thị trường).

- "Mở cửa" nền kinh tế trong lưu thông hàng hóa và trao đổi công nghệ với nước ngoài.

- Xây dựng những khu vực kinh tế đặc biệt.

- Vận dụng cải cách kinh tế đi trước cải cách chính trị.

- Tạo lập một nền kinh tế hiện đại.

- Sử dụng các phương pháp toán và thống kê phân tích kinh tế trong quá trình kế hoạch hóa.¹⁷

- *Xã hội chủ nghĩa thị trường.*

Điều đó có nghĩa là xây dựng một nền kinh tế hỗn hợp, nhiều thành phần, bao gồm cả thành phần kinh tế quốc doanh, ngoài quốc doanh và có cả sự tham gia của nước ngoài. Trong quá trình chuyển đổi sang thị trường ở một số nước có nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, xuất hiện khuynh hướng tách xa tối đa với quan điểm xã hội chủ nghĩa thị trường. Phương pháp tiếp cận này được xuất hiện ngay từ đầu cải cách và được thông qua vô điều kiện. Chính vì vậy họ không nhận được một kết quả ấn tượng nào trong tăng trưởng thu nhập quốc dân, trong các lĩnh vực sản xuất riêng biệt, trong lĩnh vực giải

quyết việc làm và thương mại. Kết quả là lạm phát vượt quá sự kiểm soát của nền kinh tế, từ đó đem đến những hậu quả bất lợi nhiều hơn là thuận lợi. Còn lại hy vọng vào tương lai, tất nhiên kết quả kinh tế ở những nước khác nhau là không giống nhau.

- *Mở cửa.*

Mở cửa quan trọng không chỉ để mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mà còn để đơn giản hóa các thủ tục luân chuyển các dòng tài chính. Các nền kinh tế chuyển đổi rất cần nguồn vốn từ nước ngoài không phải chỉ để bồi bổ cho những ngành định hướng chiến lược, mà còn để thu hút công nghệ hiện đại. Các xí nghiệp hỗn hợp có sự tham gia của nước ngoài được phép thoả thuận và sử dụng những cơ chế khác nhau cho luân chuyển công nghệ gắn với số lượng những biện pháp quan trọng, mà các nước có nền kinh tế chuyển đổi cần phải tiến hành sau khi đã điều chỉnh các quá trình kinh tế theo tiêu chuẩn hiện đại. Bằng con đường này họ mới có thể tiếp cận được với công nghệ tiên tiến của thế giới.

Mỗi một nền kinh tế muốn cố gắng thoát ra khỏi cảnh yếu kém và lạc hậu thì mở cửa là nhu cầu bức thiết mang tính sống còn.

- *Xây dựng những khu vực kinh tế đặc biệt.*

Dạng đặc biệt của mở cửa là cung cấp những ưu đãi cho các nhà đầu tư nước ngoài (ở dạng ưu đãi thuế quan, trợ cấp, và các quyền hạn đặc biệt) trong những vùng lãnh thổ đặc biệt, đảm bảo những dịch vụ công cộng, giao thông vận tải để cho các hoạt động sản xuất kinh doanh có thể phát triển trên cơ sở hiện đại. Thu hút vào các khu kinh tế đặc biệt được đảm bảo cả sức lao động rẻ và các nguyên liệu thiết yếu cho sản xuất.

16. I.M.Albegova, R.G.Emxov, A.V.Xolopov. Chính sách kinh tế của Nhà nước. Nxb Delo & Servic, Matxcova, 1998, tr.56.

17. L.Klein. Những gì, chúng ta những nhà kinh tế, đã biết được về chuyển đổi sang hệ thống thị trường. //Nhóm cải cách kinh tế. Cải cách dưới con mắt của các nhà khoa học Nga và Mỹ. Nxb Tạp chí kinh tế. Matxcova, 1996, tr.36.

Kinh nghiệm xây dựng các khu kinh tế mở ở một số nước đang phát triển (như: Đài Loan, Ixraen, Hàn Quốc, Mexicô và Trung Quốc), đã chỉ ra rằng, để đạt được kết quả mong muốn cần phải có một thời gian tương đối dài, thực hiện tuần tự và phải được bao trùm ở các vùng miền của đất nước. Trong cùng lúc đó sẽ tiến hành cải cách khu vực kinh tế nông nghiệp trên toàn lãnh thổ quốc gia.

Mục đích cuối cùng của quá trình này là ở chỗ, đảm bảo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế tất cả các khu vực nội địa và từ từ mở ra hoạt động kinh tế ở các khu vực chậm phát triển còn lại, có nghĩa là thực hiện lan rộng các hoạt động kinh tế theo khu vực địa lý.

• *Cải cách kinh tế và chính trị.*

Lý thuyết kinh tế thời kỳ chuyển đổi đầy những câu khẩu hiệu có cơ sở phân tích rất yếu kém. Một trong số đó - là sự khẳng định rằng, cải cách kinh tế và chính trị gắn liền với nhau không thể tách rời và cần phải tiến hành đồng thời song song. Nhưng từ sự đúng đắn của lý lẽ này có nhiều những ngoại lệ.

Có thể đồng ý với không ít những lý lẽ nghiêng về luận điểm ổn định và hoàn thiện điều kiện kinh tế trong giai đoạn đầu cải cách. Để đạt được ổn định kinh tế trong nghĩa rộng của từ này, thì bối cảnh thuận lợi cho việc cải cách sâu sắc kinh tế phải được hình thành. Điều đó - không phải là mô hình có thể duy nhất, và chẳng lẽ nó được vận dụng tổng hợp, tuy nhiên, có lẽ, sự phối hợp ăn ý chỉ khi được thể hiện trong đời sống với sự cần trọng cần thiết. Hay nói một cách khác, cải cách kinh tế chỉ tiến hành có hiệu quả dựa trên cơ sở ổn định về chính trị. Tức là ổn định chính trị là chỗ dựa vững chắc cho cải cách kinh tế đạt hiệu quả, thắng lợi của cải cách kinh tế sẽ là hậu thuẫn cho cải cách chính trị sâu sắc và triệt để.

• *Tạo lập nền kinh tế hiện đại.*

Muốn xây dựng được một nền kinh tế hiện đại, trước hết phải đào tạo những người đại diện nhà nước, nhà quản lý và hoạch

định chính sách về lý thuyết kinh tế hiện đại. Quá trình này phải đạt được qui mô đáng kể, có chủ đích, tổ chức chu đáo nhằm tạo ra một đội ngũ những nhà khoa học và nghiên cứu sâu sắc trong lĩnh vực lý thuyết kinh tế hiện đại. Điều này có một ý nghĩa không bình thường, bởi vì trong khoảng một thời gian dài ở các nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, đóng cửa với thế giới bên ngoài nên lý thuyết về khoa học kinh tế ở trong nước có một khoảng cách rất lớn so với lý thuyết hiện đại ở phương Tây, đặc biệt là giữa những người được đào tạo ở nước ngoài với những nhà nghiên cứu trong nước. Từ đó, xuất hiện vấn đề đào tạo một thế hệ mới những nhà kinh tế, và phải song cùng đạt được trong những năm tiếp theo của cải cách. Liệu pháp sốc mang tính chất xoá bỏ hoàn toàn một lần, vì vậy con đường cải cách tuần tự được cho là hoàn toàn phù hợp với điều kiện của những nước có nền tảng lý thuyết kinh tế chưa bắt kịp với trình độ phát triển của thế giới.

• *Phương pháp phân tích, tư duy và phương pháp luận kinh tế.*

Nó được soạn thảo và hoàn thiện vì mục đích hiện đại hóa đất nước. Điều đó bổ sung thêm ý nghĩa và giá trị cho quá trình cải cách. Một mặt, khi nói về việc lĩnh hội những ý tưởng này hay khác từ đường lối chung của khoa học kinh tế hiện đại, trong một mức độ đáng kể, nó đảm bảo cho diễn giải quá trình cải cách và nhiệm vụ của nó. Quan trọng là đưa đến ý nghĩa của chính ý tưởng hệ thống giá trị. Mặt hoàn toàn khác là, đào tạo những chuyên gia được làm quen với phương pháp phân tích thống kê chung và kinh tế lượng. Cần phải xây dựng những nhóm chuyên gia có khả năng làm việc với thống kê kinh tế để từ đó phát triển những công cụ kế hoạch hóa nền kinh tế như: các ngân hàng dữ liệu thông tin, các chương trình, mô hình, các phương pháp xây dựng những chính sách giả định và những vấn đề khác gắn liền với thành tựu của khoa học kinh tế hiện đại.

Cơ sở thông tin để phân tích định lượng kinh tế ở đa số các nước có nền kinh tế chuyển đổi từ kế hoạch hóa tập trung sang thị trường thực sự không được phát triển đầy đủ. Từ từ phải hình thành hàng loạt những số liệu tạm thời, xây dựng những tổng kết cấu trúc, chỉ số chuyên ngành và nhiều hệ thống thông tin khác rất cần để cho kế hoạch hóa nền kinh tế một cách khoa học. Tính toán xây dựng những cơ sở dữ liệu thông tin như thế không dựa trên cơ sở tuân tự sẽ không tránh khỏi kéo theo những xáo động và được thể hiện trong hệ thống thông tin có chất lượng thấp. Vận dụng tư duy kinh tế hiện đại diễn ra trong sự tác động tương hỗ chặt chẽ sự thay đổi các biến số cùng với sự phát triển những hệ thống thông tin hữu ích.

Bên cạnh đó, kinh nghiệm cải cách ở một số nước Trung và Đông Âu ngay từ thời kỳ đầu chuyển đổi đã có một hệ thống thông tin không tồi. Nhưng việc quan tâm chuẩn bị những thông tin cần thiết cho tiến trình cải cách lại không được chú trọng. Vì vậy ngay cả trong những điều kiện tốt nhất ở quan hệ này, quá trình phức tạp thị trường hóa và tư nhân hóa ngay từ đầu trong "liệu pháp sốc" đã không có được cơ sở dữ liệu thông tin đầy đủ. Trong ý nghĩa này lại một lần nữa phải nhường lợi thế cho phương pháp tiếp cận tuân tự từng bước.¹⁸

Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu thực hiện cải cách triệt để không thể tránh khỏi những hậu quả tiêu cực có thể xảy ra, chúng ta có thể dự đoán như sau:

- Lạm phát tác động phá vỡ tất cả mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, đặc biệt là đến những ngành sản xuất có tính chất thời vụ và chu kỳ sản xuất kéo dài;

- Sút giảm sản xuất, chiều sâu của nó phụ thuộc vào qui mô biến dạng kế thừa trong cấu trúc kinh tế và hạn chế tập hợp cầu, được hình thành trong quá trình vận dụng các biện pháp ổn định;

- Giảm đầu tư, khi đầu tư không hiệu quả trong bối cảnh lạm phát cao;

- Tạo khoảng cách thu nhập, phân hóa xã hội, giảm nhanh chóng mức sống của phần lớn dân cư, đặc biệt trong những nhóm dân cư có thu nhập cố định;

- Gia tăng thất nghiệp là kết quả của quá trình sút giảm sản xuất và điều chỉnh cấu trúc nền kinh tế.

Mô hình mà lý thuyết cải cách tuân tự đưa ra có thể được thực hiện ngay từ đầu trong một trật tự kiểm nghiệm, sau đó sẽ phổ biến rộng rãi những kinh nghiệm, tích lũy được. Tự do hóa có thể tiến hành ngay từ ban đầu trong một số ngành nhất định đang ở trong tình trạng khủng hoảng (ví dụ như trong ngành nông nghiệp). Tiếp theo đó những cải cách thị trường từ từ được nhân rộng ra các ngành kinh tế khác, vì khi đó đã xuất hiện những yếu tố cần thiết của cấu trúc thể chế.

Những người ủng hộ chiến lược tuân tự phản đối việc tự do hóa giá cả một lần và tư hữu hóa khẩn cấp.¹⁹ Theo ý kiến họ, trong tiến trình cải cách không được phép phá huỷ các tiềm năng sản xuất và phải bảo tồn lực lượng lao động. Cho nên chiến lược cải cách tuân tự chú trọng đến vai trò hàng đầu là ổn định sản xuất, chỉ có sản xuất ra những sản phẩm trong điều kiện ổn định mới có thể đảm bảo tăng không ngừng các nguồn lực cần thiết để duy trì mức tiêu dùng và đầu tư đòi hỏi, tạo lập những tiền đề thích ứng xã hội cho mỗi tầng lớp dân cư trong tình hình cải cách.

Chiến lược này xuất phát từ khả năng nâng cao hiệu quả sản xuất và tăng thu nhập nhờ kết quả của những cải cách từng phần ban đầu và cần phải là động cơ cho những cải cách phức tạp hơn trong tương lai. Chiến lược cải cách từng bước có những đòi hỏi đặc biệt đối với chính phủ - cần phải có bản lĩnh theo đuổi đến cùng đường lối cải cách khi xuất hiện những khó khăn ban đầu và biết khắc phục những hiệu ứng luẩn

18. L.Klein. Sđd, tr.40.

19. I.M.Albegova, R.G.Emxov, A.V.Xolopov. Sđd, tr.56.

quản của tự do hóa nền kinh tế đã chọn. Tuy nhiên, bởi vì thị trường và hệ thống kế hoạch hóa sẽ cùng tồn tại với nhau trong một khoảng thời gian, cho nên các cá nhân và công ty sẽ có cơ hội lớn để tìm kiếm được lợi nhuận kinh tế nhờ chênh lệch giá cả do luân chuyển hàng hóa và các nguồn lực tài chính từ khu vực kinh tế được nhà nước kiểm soát sang khu vực tự do, từ đó sẽ tạo ra một mảnh đất màu mỡ cho tham nhũng.

Từ những lập luận của các phương pháp tiếp cận đã đưa ra, phù hợp với các tiêu chí cần thiết để lựa chọn mô hình này hay mô hình kia chuyển đổi sang thị trường, tất cả các nước có nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung có thể chia ra làm hai nhóm. *Nhóm thứ nhất* là những nước, nơi mà tiền đề cho cải cách thị trường đủ phức tạp, các cản trở đối với họ không phải là nặng nề, còn điều kiện chính trị xã hội đòi hỏi phải có những thay đổi nhanh chóng. Những nước như thế, với đầy đủ cơ sở, có thể lựa chọn mô hình liệu pháp sốc. Ví dụ tiêu biểu về vận dụng mô hình này, có thể kể ra là Ba Lan - đã vận dụng chương trình cải cách kinh tế triệt để từ tháng giêng năm 1990,²⁰ và sau đó là Liên bang Nga từ năm 1992.

Nước Nga vận dụng mô hình này trong suốt hàng thập kỷ không đạt được kết quả mong muốn của đại đa số người dân lao động, hay nói cách khác là đã chấp nhận thất bại. Bởi vì liệu pháp sốc vận dụng ở Nga chưa được chuẩn bị chu đáo về mặt lý luận, không xác định đúng mục đích cơ bản và chiến lược của công cuộc cải cách, không chú ý tới đặc thù văn hóa riêng của dân tộc Nga, và cả những yếu tố tâm lý của người dân hình thành trong quá trình chuyển đổi.²¹ Bi kịch của liệu pháp sốc ở Nga là khủng hoảng kinh tế bùng nổ ngày 17-8-1998 đã có dấu hiệu từ trước, là kết quả logic và tất yếu của chính sách cải cách kinh tế xã hội không phù hợp mà Chính phủ Nga đang theo đuổi và đó cũng là nguyên nhân sự bản cùng hóa người lao động.²²

Nhóm thứ hai là những nước, nơi mà tiền đề chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường còn chưa đầy đủ chín muồi, nhưng khi đó những cản trở đặc biệt về cấu trúc cho hoạt động của các lực lượng cạnh tranh chưa tồn tại; nơi mà chính quyền đủ mạnh có khả năng kiểm soát các lĩnh vực kinh tế then chốt trong tình hình tự do hóa từ từ. Ví dụ tiêu biểu về những nước lựa chọn mô hình cải cách tuần tự là Trung Quốc và Việt Nam, và không ngẫu nhiên mà chiến lược này được vận dụng chuyển đổi sang thị trường ở các nước đó. Chuyển đổi sang thị trường ở những nước này đi cùng với nhịp độ sản xuất tăng đều, tăng cao mức độ tiêu dùng bình quân đầu người và việc làm cho dân cư, xã hội ổn định. Chính phủ các nước này thường xuyên hành động rất cẩn trọng, một mặt - thấu hiểu tính cần thiết của cải cách, còn mặt khác - tránh được những diễn biến phức tạp nằm ngoài tầm kiểm soát, từ đó dẫn đến những hậu quả chính trị không theo ý muốn có thể xảy ra.

Cải cách kinh tế theo giải pháp tuần tự ở Trung Quốc bắt đầu từ năm 1978 đến nay, đã đưa đất nước này có tỷ lệ tăng trưởng GDP trên đầu người hàng năm bình quân là 8,1%, và tỷ lệ tăng trưởng công nghiệp là 11,5%, chiếm vị trí đầu bảng về thành tích tăng trưởng của thế giới trong thời kỳ này. Nếu tính tới những điều kiện hết sức đa dạng của các vùng khác nhau của Trung Quốc thì đây là một thành quả nổi bật. Không một nền kinh tế kế hoạch hóa trước đây nào khác, và cũng không một nước đang

20. X.Alexasenکو. Cải cách kinh tế: con đường của Ba Lan.//Tạp chí "Kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế", số 7, bản tiếng Nga, 1991.

21. D.Lvov. Đường vào thế kỷ XXI - những vấn đề chiến lược và triển vọng của kinh tế Nga. Nxb Kinh tế, Matxcova. 1999, tr.86.

22. L.Abalkin. Hãy cứu lấy nước Nga. Nxb Viện kinh tế, Viện Hàn lâm khoa học Nga. Matxcova, 1999, tr.5.

phát triển nào khác đạt được thành tích này.²³

Ở Việt Nam, tiến trình cải cách kinh tế được vận dụng theo chiến lược tuần tự đã được 20 năm (1986-2006), và cũng đạt được những thành tựu rất to lớn. Từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó khu vực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, vì thế đất nước đã thoát ra khỏi thời kỳ khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, tổng sản phẩm trong nước năm 2005 (khoảng 50 tỷ USD) tăng hơn gấp bốn lần so với năm 1986 (khoảng 11,1 tỷ USD) - năm đầu cải cách; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất của nền kinh tế đã tăng hơn trước; đời sống của các tầng lớp nhân dân từng bước được cải thiện; và đặc biệt, họ rất tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới và đó là chỗ dựa vững chắc cho sự thành, bại của công cuộc cải cách kinh tế trong giai đoạn tiếp theo.

Lựa chọn mô hình này hay mô hình kia cho quá trình chuyển đổi sang thị trường, giống như một chính sách kinh tế cụ thể trong khuôn khổ mô hình đó, không phải chỉ là vấn đề thẩm quyền và ý nguyện tốt của Chính phủ. Trong sự lựa chọn này phải thể hiện được quyền lợi của đại đa số các nhóm dân cư, đang mong muốn hướng xã hội vào trong sự điều tiết của phương án kinh tế xã hội xác định của hệ thống thị trường. Nói chung, theo lời của nhà kinh tế học người Ba Lan G.Kolotko, vấn đề “*liệu pháp sốc - hay giải pháp tuần tự*” chỉ có ý nghĩa trong quan hệ ổn định và hoàn toàn không có giá trị trong quan hệ thay đổi hệ thống.²⁴

Thành tựu của cải cách triệt để trong kinh tế càng có thể mong muốn và đi sâu hơn vào những thay đổi trong đời sống chính trị càng tốt, như chúng ta thấy rõ ở các nước vùng Baltic và đại đa số các nước Trung và Đông Âu. Thực hiện những cải cách thị trường triệt để, được hướng đến cải

cách cương quyết sở hữu nhà nước, tự do hóa nền kinh tế, đó không phải là chuyện ngược đời, đòi hỏi phải có một nhà nước mạnh, chính quyền hành pháp và lập pháp đủ mạnh được vận dụng trên cơ sở lòng tin của đại đa số người dân. Chương trình cải cách thị trường triệt để phải có sự trợ giúp chính trị, có thể được đảm bảo bởi một hệ thống chính trị mới, dựa trên cơ sở những nguyên tắc dân chủ.

Triệt để cải cách kinh tế không có nghĩa là hoàn thiện quá trình này một cách nhanh chóng. Không thể xây dựng được một nền kinh tế thị trường với đầy đủ giá trị của nó chỉ trong hai - ba năm. Để cho quá trình cải cách đạt hiệu quả trong lâu dài cần thiết phải vận dụng cải cách sở hữu nhà nước, cải tổ cấu trúc kinh tế và phân chia độc quyền, xây dựng nền tảng pháp lý và một chính sách công nghiệp được tính toán kỹ càng. Thực hiện những mục đích này - đó là cả một sự nghiệp không đơn giản, đòi hỏi nhiều thời gian. Vì vậy, lý thuyết của liệu pháp sốc tập trung chú ý đến những vấn đề tài chính và giá cả, chỉ là giai đoạn đầu không tách rời của cả quá trình cải cách lâu dài. Hay nói một cách khác, chính cải cách triệt để bắt buộc phải bao gồm những yếu tố của chiến lược cải cách tuần tự.

(Còn nữa)

-
23. Peter Nolan. Trung Quốc trước ngã ba đường. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2005, tr.14.
24. A.G.Khudokormov. Lịch sử các học thuyết kinh tế. Nxb INFRA-M, Matxcova, 1998, tr.653. //G.Kolotko - nguyên là Thủ tướng Cộng hòa Ba Lan và là người trực tiếp triển khai thực hiện chương trình cải cách kinh tế đầu tiên ở các nước có nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang thị trường theo khuôn mẫu - “liệu pháp sốc” của IMF ở nước này từ năm 1990.